

Số: 165/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

T phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu Hiền

Thư ký phiên họp: Bà Trương Thị Minh Hiền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, Theo Quyết định mở phiên họp số 171/2022/QĐ-TA ngày 16/12/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Anh Trần Văn V; Sinh năm 1992

Nơi ĐKNKTT: xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xin vắng mặt.

2. Chị Trương Thị L; Sinh năm 1995

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động tại Malaixia), Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của anh Trần Văn V và ý kiến trình bày của chị Trương Thị L, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn V và chị Trương Thị L kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 19/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu, qua lại trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2015 chị L đi lao động tại Malaixia đến nay chưa

về nước lần nào. Thời gian đầu chị L có gọi điện về cho anh nhưng sau đó 2 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, hai bên đã cắt đứt liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay vợ chồng không còn tình cảm và không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Thị Hải V, sinh ngày 03/6/2014. Vợ chồng thỏa thuận giao con cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng, vấn đề phải cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh V trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị L tại Malaixia mà chỉ biết chị L thường gọi điện về cho gia đình ở Thôn Nam Mới, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Anh đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của chị L qua gia đình chị L.

Do điều kiện công việc nên chị L không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn nên chị yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết việc ly hôn và ủy quyền cho bố chị là ông Trương Huy T; Trú tại: Thôn Nam Mới, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh giao nhận tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Trương Thị L hiện đang lao động tại Malaixia. Theo công văn số 20367/QLXNC- P5 30/9/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì chị Trương Thị L đã xuất cảnh năm 2015 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy chị L thường liên lạc với gia đình tại Thôn Nam Mới, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nhưng cô tình không cung cấp địa chỉ của chị

hiện nay ở nước ngoài. Gia đình chị vẫn liên lạc với anh chị nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị L. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình, vì điều kiện công việc chị Trương Thị L không thể về Việt Nam được nên chị đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho bố là ông Trương Huy T giao nhận các tài liệu. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Trương Thị L theo thủ tục chung

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn V và chị Trương Thị L đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh V và chị L sống hạnh phúc đến năm 2015 thì chị L đi lao động tại Malaixia đến nay chưa về nước lần nào. Anh V muốn chị về nước để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý và muốn ở lại làm việc. Vợ chồng không có điều kiện chung sống, không được gần gũi nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không còn, mục đích xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được. Nay các đương sự đều tự nhận thấy tình cảm không còn và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, các T viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng cuộc hôn nhân của anh V và chị L không đạt được mục đích đó.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Như vậy, anh Trần Văn V và chị Trương Thị L đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Thị Hải V, sinh ngày 03/6/2014. Vợ chồng thỏa thuận giao con cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng; vấn đề phải cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Trần Văn V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn V và chị Trương Thị L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung là Trần Thị Hải V, sinh ngày 03/6/2014 cho anh Trần Văn V chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con trưởng T đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Trần Văn V (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000360 ngày 01/11/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Cương Gián;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trần Thị Thu Hiền